BẢO HỘ THIẾT KẾ BỐ TRÍ MẠCH TÍCH HỢP BÁN DẪN THEO PHÁP LUẬT ĐÀI LOAN: SO SÁNH VỚI PHÁP LUẬT QUỐC TẾ VÀ VIỆT NAM, KINH NGHIỆM HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VIỆT NAM

MA THỊ THANH HIẾU
Khoa Luật, Trường Đại học Khoa học,
Đại học Thái Nguyên

Nhận bài ngày 12/9/2026. Sửa chữa xong 19/10/2026. Duyệt đăng 24/10/2026.

Abstract

Semiconductor integrated circuit layout designs are valuable intellectual property assets that play a significant role in the development of the semiconductor industry. This article analyzes the key provisions of Taiwan's Integrated Circuit Layout Protection Act and compares them with Vietnamese law and relevant international legal standards, focusing on the requirements for protection, the establishment and ownership of rights, the scope and limitations of exclusive rights, the term of protection, and mechanisms for addressing infringement. The findings indicate that, although Vietnam has established a basic legal framework for the protection of integrated circuit layout designs, further legal reforms are needed to clarify ownership of designs created in the course of employment, under commissioned contracts, or through collaborative research; define the limitations of exclusive rights concerning research activities, reverse engineering, and independently developed designs; and strengthen technical assessment, dispute resolution, and the assessment of damages. Drawing on Taiwan's experience, the article proposes recommendations for improving Vietnamese law to enhance legal clarity and practical enforceability while striking an appropriate balance between protecting intellectual property rights and promoting research and innovation, taking into account the development needs of Vietnam's domestic semiconductor industry.

Keywords: *Integrated circuit layout designs, intellectual property, semiconductor industry, Taiwanese law, Vietnamese law.*

1. Đặt vấn đề

Sự phát triển của công nghiệp bán dẫn đang làm gia tăng giá trị kinh tế và chiến lược của các tài sản trí tuệ gắn với quá trình thiết kế, chế tạo và thương mại hóa mạch tích hợp. Trong chuỗi giá trị này, thiết kế bố trí mạch tích hợp giữ vai trò trung tâm và quan trọng nhất, bởi nó thể hiện kết quả đầu tư về trí tuệ, thời gian và nguồn lực kỹ thuật của chủ thể sáng tạo. Tuy nhiên, nguy cơ sao chép thiết kế bố trí mạch tích hợp bán dẫn là một thực tế đòi hỏi có cơ chế bảo hộ phù hợp không chỉ là một vấn đề của pháp luật sở hữu trí tuệ, mà còn liên quan trực tiếp đến ngành công nghiệp bán dẫn, một trong những ngành công nghiệp có ảnh hưởng nhất trong kỷ nguyên số. Các chuẩn mực quốc tế về bảo hộ thiết kế bố trí mạch tích hợp đã được hình thành, từng bước xác lập những yêu cầu cơ bản đối với đối tượng, điều kiện, phạm vi và thời hạn bảo hộ. Có thể kể đến Hiệp ước Washington năm 1989 về sở hữu trí tuệ đối với mạch tích hợp và Hiệp định về các khía cạnh liên quan đến thương mại của quyền sở hữu trí tuệ (TRIPS).

Đài Loan là thị trường bán dẫn lớn nhất thế giới và cũng là quốc gia xây dựng đạo luật chuyên biệt về bảo hộ thiết kế bố trí mạch tích hợp từ năm 1995 (International Trade Administration, 2025). Còn ở Việt Nam, pháp luật về bảo hộ thiết kế bố trí mạch tích hợp đã được ghi nhận trong Luật Sở hữu trí tuệ (Văn phòng Quốc hội, 2026), ngoài ra còn có Luật Công nghiệp công nghệ số (Quốc hội, 2025), chiến

Email: hieumtt@tnus.edu.vn.

lược quốc gia về ngành công nghiệp bán dẫn của Chính phủ và hệ thống các văn bản khác (Thủ tướng Chính phủ, 2024; 2025). Tham vọng của chính phủ đó là xây dựng, phát triển ngành công nghiệp bán dẫn như một trụ cột quan trọng nâng cao năng lực tự chủ, cạnh tranh và vị thế quốc gia trong chuỗi giá trị toàn cầu (Ban Chấp hành Trung ương, 2024). Chính vì vậy, với ngành bán dẫn mà mạch tích hợp bán dẫn là một sản phẩm trọng tâm, việc học hỏi kinh nghiệm từ thị trường bán dẫn hàng đầu như Đài Loan có ý nghĩa thiết thực.

Trên cơ sở đó, bài viết tập trung phân tích những nội dung cơ bản của Đạo luật bảo hộ thiết kế bố trí mạch tích hợp của Đài Loan và đối chiếu với pháp luật Việt Nam hiện hành. Thông qua việc xem xét các đặc điểm của thị trường bán dẫn tại hai nền kinh tế, bài viết đánh giá những ưu điểm, hạn chế và khả năng vận dụng kinh nghiệm của Đài Loan, từ đó đề xuất một số định hướng hoàn thiện pháp luật Việt Nam.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Pháp luật Đài Loan về bảo hộ thiết kế bố trí mạch tích hợp và đối sánh với Việt Nam

2.1.1. Những nội dung cơ bản của Đạo luật bảo hộ thiết kế bố trí mạch tích hợp của Đài Loan

Đài Loan ban hành Đạo luật bảo hộ thiết kế bố trí mạch tích hợp (Integrated Circuit Layout Protection Act) ngày 11/8/1995 và sửa đổi, bổ sung năm 2002 (Taiwan, 1995). Đạo luật thiết lập cơ chế bảo hộ riêng nhằm bảo vệ thành quả sáng tạo, đồng thời hài hòa lợi ích của chủ sở hữu với lợi ích xã hội và sự phát triển khoa học, công nghệ (Tommy Tsai, 2025).

Thứ nhất, về đối tượng và điều kiện được bảo hộ:

Về đối tượng: Điều 2 của Đạo luật xác định mạch tích hợp là sản phẩm hoàn chỉnh hoặc bán thành phẩm có chức năng mạch điện tử, trong đó các linh kiện điện tử như transistor, tụ điện, điện trở và các đường kết nối được tích hợp trên hoặc trong vật liệu bán dẫn. Thiết kế bố trí mạch tích hợp được hiểu "là thiết kế hai chiều hoặc ba chiều của các linh kiện điện tử và đường dẫn kết nối trên mạch tích hợp" (Taiwan, 1995).

Về điều kiện bảo hộ: Theo Điều 16, thiết kế bố trí được bảo hộ phải đáp ứng hai yêu cầu cơ bản: (i) tính nguyên gốc: thiết kế được hình thành từ nỗ lực trí tuệ của người sáng tạo, không phải là sản phẩm sao chép; (ii) tính sáng tạo: thiết kế đó không phải là thiết kế thông thường, phổ biến hoặc đã được biết đến trong ngành công nghiệp mạch tích hợp và giới thiết kế bố trí mạch tích hợp. Theo Điều 16, thiết kế phải được hình thành từ nỗ lực trí tuệ của người sáng tạo, không phải bản sao và không phải thiết kế thông thường, phổ biến trong ngành. Trường hợp các thành phần riêng lẻ đã được biết đến, việc bảo hộ tập trung vào tổ hợp tổng thể đáp ứng điều kiện luật định. Quy định này cho thấy mạch tích hợp bán dẫn cần phải đạt được yêu cầu về sự sáng tạo không hiển nhiên trong cách tổ chức, kết hợp các thành phần cấu tạo nên vi mạch.

Đạo luật cũng quy định điều kiện để người nước ngoài được đăng ký bảo hộ tại Đài Loan. Theo Điều 5, chủ sở hữu có thể đăng ký bảo hộ mạch tích hợp khi là công dân của quốc gia có ký điều ước quốc tế với Đài Loan hoặc được bảo hộ theo nguyên tắc có đi có lại, miễn là thoả mãn điều kiện liên quan đến nơi khai thác thương mại lần đầu của thiết kế.

Thứ hai, về đăng ký bảo hộ và xác lập quyền:

Đạo luật lựa chọn cơ chế đăng ký bảo hộ mạch tích hợp khá rõ ràng: (i) người sáng tạo hoặc người thừa kế quyền của người sáng tạo có thể nộp đơn đăng ký, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác; (ii) trường hợp nhiều người có quyền thì họ có thể đăng ký với tư cách đồng sở hữu, hoặc thoả thuận thông qua hợp đồng; (iii) đối với thiết kế do người lao động tạo ra trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, hoặc do một bên thuê người khác sáng tạo trên cơ sở đặt hàng, Điều 7 xác định người sử dụng lao động hoặc bên thuê có quyền nộp đơn đăng ký, trừ trường hợp hợp đồng có quy định khác (Taiwan, 1995). Dù vậy, người trực tiếp sáng tạo vẫn có quyền được ghi nhận tên mình với tư cách tác giả.

Bên cạnh đó, Điều 15 của đạo luật quy định việc đăng ký là bắt buộc và mạch tích hợp bán dẫn chỉ có thể được bảo hộ theo văn bằng, thông lệ với đối tượng sở hữu công nghiệp nói chung.

Thứ ba, về nội dung và phạm vi quyền của chủ sở hữu:

Theo Điều 17, chủ sở hữu có quyền ngăn cấm người khác sao chép toàn bộ hoặc một phần thiết kế

bố trí, nhập khẩu hoặc phân phối vì mục đích thương mại thiết kế hoặc mạch tích hợp có chứa thiết kế đó khi chưa được cho phép. Tuy nhiên, Điều 18 quy định các trường hợp nằm ngoài phạm vi độc quyền, bao gồm sao chép để nghiên cứu, giảng dạy, thực hiện kỹ thuật đảo ngược nhằm đánh giá hoặc phân tích, cũng như tạo ra thiết kế mới từ kết quả phân tích nếu đáp ứng điều kiện luật định. Đạo luật còn quy định ngoại lệ liên quan đến một số trường hợp nhập khẩu, phân phối sản phẩm và thiết kế được tạo ra độc lập (Taiwan, 1995).

Việc quy định các giới hạn này giúp phân biệt hành vi khai thác trái phép với hoạt động nghiên cứu và phát triển công nghệ. Đây là vấn đề đặc biệt quan trọng trong ngành bán dẫn, nơi phân tích cấu trúc kỹ thuật và phát triển thiết kế mới là những hoạt động có quan hệ chặt chẽ.

Thứ tư, về thời hạn bảo hộ và các giao dịch chuyển giao thiết kế bố trí:

Theo Điều 19, thời hạn bảo hộ là 10 năm, gắn với các mốc nộp đơn và khai thác thương mại lần đầu theo quy định của Đạo luật. Điều 21 yêu cầu sự đồng thuận của các đồng chủ sở hữu khi thực hiện một số giao dịch liên quan đến quyền sở hữu chung. Điều 22 quy định việc đăng ký chuyển nhượng, cấp phép và các giao dịch liên quan; việc không đăng ký ảnh hưởng đến khả năng viện dẫn giao dịch đối với bên thứ ba ngay tình theo điều kiện luật định (Taiwan, 1995).

Ngoài ra, Điều 24 cho phép cấp phép bắt buộc trong những trường hợp nhất định, như phục vụ lợi ích công cộng phi lợi nhuận hoặc xử lý hành vi cạnh tranh không lành mạnh đã được xác định theo quy định. Cơ chế này đặt ra giới hạn đối với việc thực hiện quyền độc quyền nhưng vẫn bảo đảm nghĩa vụ đền bù thích hợp cho chủ sở hữu.

Thứ năm, về xử lý hành vi xâm phạm và giải quyết tranh chấp:

Điều 29 cho phép chủ sở hữu yêu cầu bồi thường thiệt hại, chấm dứt hành vi xâm phạm và ngăn ngừa nguy cơ xâm phạm. Trong những điều kiện nhất định, bên nhận li-xăng độc quyền cũng có thể thực hiện các yêu cầu này. Đạo luật đồng thời quy định trách nhiệm đối với chủ thể biết hoặc phải biết sản phẩm thương mại có chứa mạch tích hợp được sản xuất từ thiết kế sao chép trái phép.

Theo Điều 30, thiệt hại có thể được xác định dựa trên thiệt hại thực tế, lợi nhuận của bên vi phạm hoặc khoản tiền do Tòa án xác định trong giới hạn luật định. Điều 32 quy định các biện pháp như tiêu hủy sản phẩm xâm phạm và công bố bản án. Bên cạnh đó, Điều 36 cho phép thành lập Ủy ban đánh giá và hòa giải để hỗ trợ xử lý các vấn đề kỹ thuật, tranh chấp và cấp phép bắt buộc (Taiwan, 1995). Như vậy, cơ chế bảo hộ của Đài Loan không chỉ xác lập quyền độc quyền mà còn thiết lập giới hạn quyền, cơ chế khai thác và biện pháp thực thi phù hợp với đặc thù kỹ thuật của thiết kế bố trí mạch tích hợp.

2.1.2. So sánh pháp luật Đài Loan và Việt Nam trong bảo hộ thiết kế bố trí mạch tích hợp bán dẫn và một số vấn đề đặt ra

a. So sánh pháp luật Đài Loan và Việt Nam trong bảo hộ thiết kế bố trí mạch tích hợp bán dẫn

Thứ nhất, về điều kiện bảo hộ và xác lập quyền:

Cả Đài Loan và Việt Nam đều bảo vệ thiết kế bố trí đáp ứng điều kiện về tính nguyên gốc và áp dụng cơ chế đăng ký. Tuy nhiên, Điều 71 Luật Sở hữu trí tuệ Việt Nam còn quy định cụ thể điều kiện về khai thác thương mại lần đầu: thiết kế đã được khai thác thương mại vẫn có thể được đăng ký nếu đơn được nộp trong thời hạn hai năm kể từ lần khai thác thương mại đầu tiên trên thế giới. Cách quy định này tạo ra mốc thời gian cụ thể để chủ thể quyền chủ động xác lập quyền.

Về thủ tục, Điều 114 Luật Sở hữu trí tuệ Việt Nam quy định đơn đăng ký thiết kế bố trí không được thẩm định nội dung theo cơ chế áp dụng đối với một số đối tượng sở hữu công nghiệp khác. Trong khi đó, Đài Loan có cơ chế xem xét hủy bỏ quyền khi việc đăng ký vi phạm điều kiện luật định, trong đó có điều kiện về tính nguyên gốc. Sự khác biệt này đặt ra vấn đề về cơ chế kiểm soát tính hợp lệ của quyền và khả năng giải quyết tranh chấp khi xuất hiện nghi vấn về điều kiện bảo hộ.

Thứ hai, về chủ thể quyền và quyền đối với thiết kế được tạo ra trong quan hệ lao động, đặt hàng:

Điều 7 Đạo luật Đài Loan và Điều 86 Luật Sở hữu trí tuệ Việt Nam đều điều chỉnh việc xác định chủ thể quyền đối với thiết kế được tạo ra trong những quan hệ có sự đầu tư hoặc thuê thực hiện công việc.

Tuy nhiên, quy định của Đài Loan thể hiện trực tiếp hơn việc phân định quyền đăng ký đối với thiết kế do người lao động hoặc bên nhận đặt hàng tạo ra. Ở Việt Nam, việc xác định chủ thể quyền cần xem xét quy định về quyền đăng ký, nguồn lực đầu tư, hợp đồng và các quy định liên quan đến nhiệm vụ khoa học và công nghệ. Trong ngành bán dẫn, nơi nhiều doanh nghiệp, chuyên gia và cơ sở nghiên cứu có thể cùng tham gia một dự án, việc xác định rõ quyền đối với thiết kế ban đầu, kết quả cải tiến và quyền khai thác sau khi hợp đồng chấm dứt có ý nghĩa thiết thực đối với hạn chế tranh chấp.

Thứ ba, về phạm vi quyền độc quyền và các giới hạn bảo hộ:

Cả hai hệ thống đều trao cho chủ sở hữu quyền ngăn cấm các hành vi sao chép và khai thác thương mại trái phép thiết kế bố trí. Tuy nhiên, Đạo luật Đài Loan quy định tương đối cụ thể các trường hợp sử dụng ngoài phạm vi độc quyền, trong đó có nghiên cứu, giảng dạy, kỹ thuật đảo ngược và tạo ra thiết kế độc lập. Tại Việt Nam, điểm a khoản 2 Điều 125 Luật Sở hữu trí tuệ quy định trường hợp sử dụng thiết kế bố trí nhằm đánh giá, phân tích, nghiên cứu, giảng dạy hoặc tạo ra thiết kế mới trên cơ sở thiết kế đã được bảo hộ. Pháp luật cũng quy định các giới hạn liên quan đến người sử dụng không biết và không có nghĩa vụ phải biết quyền đang được bảo hộ trong điều kiện luật định.

Thứ tư, về thời hạn bảo hộ:

Thời hạn bảo hộ là một trong những khác biệt đáng chú ý giữa hai hệ thống. Theo Điều 19 Đạo luật Đài Loan, thời hạn bảo hộ là 10 năm, gắn với thời điểm nộp đơn và khai thác thương mại lần đầu theo quy định. Trong khi đó, khoản 5 Điều 93 Luật Sở hữu trí tuệ Việt Nam xác định thời điểm chấm dứt hiệu lực theo mốc sớm nhất trong ba thời điểm: 10 năm kể từ ngày nộp đơn; 10 năm kể từ ngày khai thác thương mại lần đầu bởi chủ thể có quyền hoặc người được cho phép; hoặc 15 năm kể từ ngày tạo ra thiết kế.

Thứ năm, về thủ tục đăng ký và cơ chế kiểm soát:

Pháp luật hai bên đều cho phép chủ sở hữu yêu cầu chấm dứt hành vi xâm phạm và bồi thường thiệt hại. Điểm đáng chú ý ở Đài Loan là Điều 29 quy định việc nộp báo cáo đánh giá hành vi xâm phạm khi thực hiện yêu cầu theo luật định; Điều 36 còn thiết lập cơ chế đánh giá và hòa giải đối với những vấn đề chuyên môn.

Ở Việt Nam, Điều 205 Luật Sở hữu trí tuệ quy định căn cứ xác định thiệt hại và bồi thường trong các vụ việc xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ. Tuy nhiên, đối với thiết kế bố trí mạch tích hợp, hiệu quả thực thi còn phụ thuộc vào khả năng thu thập, bảo toàn chứng cứ, đánh giá sự tương đồng về cấu trúc kỹ thuật và xác định mối quan hệ giữa hành vi xâm phạm với thiệt hại thực tế.

b. Một số vấn đề đặt ra

Kinh nghiệm từ thị trường bán dẫn và chính sách phát triển ngành công nghiệp bán dẫn của Đài Loan có thể cung cấp một số gợi ý cho Việt Nam, đương nhiên cần gắn với thực tiễn nước ta khi đưa vào xây dựng giải pháp trong thực tiễn.

Một là, cần làm rõ việc xác lập và phân định quyền đối với thiết kế được tạo ra trong quan hệ lao động, đặt hàng và hợp tác nghiên cứu, nhất là quyền đối với kết quả cải tiến và sản phẩm hình thành từ nhiều nguồn lực đầu tư.

Hai là, cần nâng cao tính rõ ràng và khả năng áp dụng thống nhất các quy định về giới hạn quyền, đặc biệt đối với nghiên cứu, kỹ thuật đảo ngược và thiết kế được tạo ra độc lập. Việc hoàn thiện cần bảo đảm quyền của chủ sở hữu nhưng không tạo ra rào cản không cần thiết đối với hoạt động nghiên cứu và phát triển.

Ba là, cần củng cố năng lực đánh giá kỹ thuật và giải quyết tranh chấp. Đặc thù của thiết kế bố trí đòi hỏi chứng cứ và phương pháp phân tích chuyên môn; do đó, việc nâng cao năng lực giám định, xây dựng nguồn chuyên gia và hoàn thiện phương pháp xác định thiệt hại có thể hỗ trợ thực thi quyền hiệu quả hơn.

Tuy nhiên, không phải mọi yếu tố của mô hình Đài Loan đều có thể áp dụng nguyên trạng tại Việt Nam. Trước hết, Đài Loan có quy mô và mức độ chuyên môn hóa của ngành bán dẫn vượt trội, với các doanh nghiệp lớn, hệ thống nhà cung cấp và mạng lưới hợp tác công nghệ phát triển (Lê Đăng Minh,

2025; Phạm Vũ Thiều Quang, 2024). Việt Nam hiện đang mở rộng năng lực thiết kế, sản xuất và đóng gói, kiểm thử theo các mục tiêu của chiến lược quốc gia. Vì vậy, nhu cầu thực tế, khả năng tuân thủ và nguồn lực dành cho thực thi quyền giữa hai nền kinh tế không hoàn toàn tương đồng. Bên cạnh đó, hiệu quả của một đạo luật chuyên ngành không thể tách khỏi môi trường công nghiệp đã hình thành. Việc Đài Loan có hệ sinh thái bán dẫn phát triển không có nghĩa Việt Nam chỉ cần hoàn thiện quy định về thiết kế bố trí là có thể đạt kết quả tương tự. Việt Nam còn cần phát triển nguồn nhân lực, năng lực nghiên cứu và phát triển, cơ sở hạ tầng, doanh nghiệp thiết kế và các mối liên kết giữa trường đại học, viện nghiên cứu với doanh nghiệp (Lê Đăng Minh, 2025). Chính sách bảo hộ phải hỗ trợ quá trình này, chứ không thể thay thế các điều kiện nền tảng đó.

2.2. Kinh nghiệm cho Việt Nam và kiến nghị hoàn thiện pháp luật

2.2.1. Những kinh nghiệm có thể tham khảo từ Đài Loan

Từ việc phân tích Đạo luật bảo hộ thiết kế bố trí mạch tích hợp của Đài Loan và đối sánh với pháp luật Việt Nam, có thể nhận thấy giá trị tham khảo đối với Việt Nam là:

Thứ nhất, hoàn thiện quy định về chủ thể quyền và quyền đối với thiết kế được tạo ra theo hợp đồng.

Điều 86 Luật Sở hữu trí tuệ Việt Nam đã quy định về quyền đăng ký thiết kế bố trí được tạo ra trên cơ sở đầu tư kinh phí, phương tiện vật chất – kỹ thuật hoặc theo hợp đồng thuê việc. Tuy nhiên, đối với các dự án bán dẫn có nhiều chủ thể tham gia, cần làm rõ hơn mối quan hệ giữa quyền đăng ký, quyền sở hữu, quyền khai thác và quyền đối với kết quả cải tiến. Theo đó, có thể nghiên cứu ban hành hướng dẫn áp dụng hoặc hoàn thiện quy định liên quan để phân biệt thiết kế có trước hợp đồng với thiết kế được tạo ra trong quá trình thực hiện hợp đồng; xác định quyền sử dụng của bên đặt hàng và bên thực hiện; đồng thời làm rõ việc khai thác kết quả sau khi hợp đồng chấm dứt. Đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước, việc xác định quyền phải phù hợp với quy định chuyên ngành có liên quan.

Ở cấp độ hợp đồng, doanh nghiệp và cơ sở nghiên cứu cần quy định rõ chủ thể có quyền đăng ký, phạm vi khai thác thương mại, quyền đối với kết quả cải tiến, nghĩa vụ bảo mật và phương thức xử lý tranh chấp. Đây là giải pháp có thể triển khai ngay mà không nhất thiết phải chờ sửa đổi toàn diện pháp luật.

Thứ hai, làm rõ giới hạn quyền đối với hoạt động nghiên cứu, kỹ thuật đảo ngược và thiết kế độc lập.

Kinh nghiệm Đài Loan cho thấy việc quy định quyền độc quyền cần đi kèm với các giới hạn đủ rõ để phân biệt nghiên cứu hợp pháp với sao chép nhằm khai thác thương mại. Đối với Việt Nam, cần nghiên cứu hướng dẫn áp dụng các trường hợp sử dụng thiết kế bố trí phục vụ đánh giá, phân tích, nghiên cứu, giảng dạy và tạo ra thiết kế mới.

Nội dung hướng dẫn nên tập trung vào mục đích sử dụng, phạm vi sao chép cần thiết và căn cứ xác định hành vi chuyển từ nghiên cứu sang khai thác thương mại trái phép. Đồng thời, cần làm rõ việc đánh giá tính độc lập của quá trình sáng tạo trên cơ sở tài liệu thiết kế, hồ sơ nghiên cứu và các chứng cứ liên quan. Việc thiết kế có cấu trúc tương tự không tự thân thay thế cho việc chứng minh các yếu tố pháp lý của hành vi xâm phạm.

Thứ ba, hoàn thiện cơ chế đánh giá kỹ thuật và giải quyết tranh chấp.

Một cơ chế bảo hộ dù được thiết kế đầy đủ cũng khó phát huy hiệu quả nếu không phù hợp với nhu cầu và khả năng sử dụng của các chủ thể sáng tạo. Tranh chấp về thiết kế bố trí có thể đòi hỏi việc phân tích cấu trúc vi mạch, quá trình hình thành thiết kế và mức độ tương đồng giữa các đối tượng. Vì vậy, ngoài các biện pháp bảo vệ quyền theo pháp luật hiện hành, cần nâng cao khả năng tiếp cận chuyên gia và phương pháp đánh giá kỹ thuật.

Việt Nam có thể nghiên cứu xây dựng cơ chế phối hợp giữa cơ quan sở hữu trí tuệ, tổ chức giám định, cơ quan giải quyết tranh chấp và chuyên gia trong lĩnh vực bán dẫn; đồng thời hướng dẫn việc thu thập, bảo toàn chứng cứ kỹ thuật và xác định thiệt hại. Kinh nghiệm Đài Loan về báo cáo đánh giá hành vi xâm phạm và cơ chế đánh giá, hòa giải là nguồn tham khảo về chức năng, nhưng việc lựa chọn mô hình cụ thể cần dựa trên nhu cầu và nguồn lực trong nước. Đối với các dự án sử dụng nguồn lực

của nhiều bên, việc xác định quyền đối với kết quả nghiên cứu và nghĩa vụ bảo mật cần được thực hiện ngay từ giai đoạn xây dựng, phê duyệt và triển khai dự án. Cùng với đó, chính sách bảo hộ cần được triển khai đồng bộ với phát triển nhân lực, năng lực nghiên cứu, cơ sở hạ tầng và liên kết giữa các chủ thể trong chuỗi cung ứng bán dẫn (Lê Đăng Minh, 2025; Phạm Vũ Thiều Quang, 2024). Đây là điều kiện để quyền sở hữu trí tuệ trở thành công cụ hỗ trợ đổi mới công nghệ, thay vì chỉ là cơ chế xử lý vi phạm sau khi tranh chấp phát sinh.

2.2.2. Kiến nghị hoàn thiện pháp luật Việt Nam

Thứ nhất, rà soát, hoàn thiện các quy định của Luật Sở hữu trí tuệ.

Cần rà soát các quy định về điều kiện bảo hộ, chủ thể quyền, phạm vi quyền và thời hạn bảo hộ thiết kế bố trí mạch tích hợp trên cơ sở đánh giá thực tiễn áp dụng và đặc thù của ngành bán dẫn. Trọng tâm là làm rõ việc xác định quyền đối với thiết kế được tạo ra trong quan hệ lao động, theo hợp đồng đặt hàng hoặc trong các dự án hợp tác nghiên cứu, đặc biệt đối với thiết kế có trước hợp đồng và các kết quả cải tiến phát sinh trong quá trình thực hiện. Việc hoàn thiện cần làm rõ quyền đăng ký, quyền khai thác thương mại và quyền đối với kết quả cải tiến, đồng thời bảo đảm sự thống nhất với pháp luật về khoa học và công nghệ, chuyển giao công nghệ, lao động và quản lý kết quả nghiên cứu sử dụng ngân sách nhà nước. Bên cạnh đó, cần đánh giá tính phù hợp của các quy định về tính nguyên gốc và điều kiện khai thác thương mại đối với những thiết kế hình thành từ các cấu trúc kỹ thuật phổ biến, nhằm phân biệt thành quả sáng tạo được bảo hộ với hành vi sao chép trái phép. Việc sửa đổi, bổ sung nên dựa trên thực tiễn áp dụng và tham vấn doanh nghiệp, cơ sở nghiên cứu, chuyên gia kỹ thuật, tránh chỉ đối chiếu hình thức với pháp luật nước ngoài.

Thứ hai, hoàn thiện hướng dẫn về đăng ký, bảo mật thông tin và xác định phạm vi quyền.

Thủ tục đăng ký thiết kế bố trí cần đáp ứng đồng thời hai yêu cầu: tạo thuận lợi cho chủ thể xác lập quyền và bảo đảm thông tin trong hồ sơ đủ để nhận diện đối tượng được bảo hộ. Vì vậy, Cần rà soát các quy định về thành phần hồ sơ, trình tự đăng ký thiết kế bố trí tại Luật Sở hữu trí tuệ và văn bản hướng dẫn hiện hành, trong đó có Thông tư số 10/2026/TT-BKHCN, nhằm bảo đảm tính thống nhất và khả thi. Việc hoàn thiện thủ tục cần đồng thời bảo đảm khả năng nhận diện đối tượng được bảo hộ và bảo vệ thông tin kỹ thuật có giá trị thương mại trong hồ sơ đăng ký. Theo đó, cần làm rõ trách nhiệm tiếp nhận, lưu giữ, khai thác và cung cấp thông tin hồ sơ; phân biệt thông tin cần công khai để xác định tình trạng pháp lý của quyền với thông tin kỹ thuật cần được bảo vệ theo quy định. Đồng thời, nên xây dựng hướng dẫn về đối chiếu tài liệu thể hiện thiết kế, xác định phần thiết kế được bảo hộ và đánh giá mối liên hệ giữa thiết kế đó với mạch tích hợp bị cho là xâm phạm. Những hướng dẫn này sẽ góp phần nâng cao tính thống nhất trong áp dụng pháp luật mà không thay thế việc đánh giá cụ thể từng vụ việc.

Thứ ba, làm rõ giới hạn quyền, cơ chế xử lý xâm phạm và phương pháp xác định thiệt hại.

Pháp luật Việt Nam đã quy định những trường hợp chủ sở hữu không có quyền ngăn cấm người khác sử dụng thiết kế bố trí, trong đó có việc sử dụng nhằm đánh giá, phân tích, nghiên cứu, giảng dạy hoặc tạo ra thiết kế bố trí mới trên cơ sở thiết kế đã được bảo hộ. Tuy nhiên, việc áp dụng các ngoại lệ này trong lĩnh vực bán dẫn đòi hỏi phải phân biệt rõ mục đích nghiên cứu, phân tích hợp pháp với hành vi sao chép để sản xuất và kinh doanh. Nếu giới hạn quyền được hiểu quá hẹp, hoạt động nghiên cứu và phát triển thiết kế mới có thể gặp trở ngại; ngược lại, nếu ngoại lệ được vận dụng thiếu tiêu chí, chủ sở hữu có thể khó bảo vệ thành quả sáng tạo trước hành vi khai thác thương mại trái phép. Do đó, cần nghiên cứu hướng dẫn áp dụng các giới hạn quyền theo hướng làm rõ mục đích, phạm vi và tính chất của hành vi sử dụng. Đặc biệt, cần phân biệt việc phân tích cấu trúc mạch để nghiên cứu với việc sử dụng kết quả phân tích nhằm tạo ra sản phẩm sao chép thiết kế được bảo hộ. Việc hướng dẫn phải bảo đảm phù hợp với quy định hiện hành và các cam kết quốc tế của Việt Nam, đồng thời không tạo ra một ngoại lệ rộng đến mức làm suy giảm ý nghĩa của quyền độc quyền.

Đối với hành vi xâm phạm, cần chú trọng phương pháp đánh giá cấu trúc thiết kế, nguồn gốc hình thành và chứng cứ về quá trình phát triển sản phẩm. Sự tương đồng giữa các mạch tích hợp không nên được xem là căn cứ duy nhất để kết luận có hành vi sao chép. Vì vậy, cần hoàn thiện hướng dẫn về thu thập, bảo toàn và đánh giá chứng cứ kỹ thuật, đồng thời bảo đảm bí mật kinh doanh và quyền tiếp cận

chứng cứ hợp pháp của các bên. Bên cạnh đó, cần nâng cao khả năng xác định thiệt hại trên cơ sở tổn thất thực tế, lợi nhuận thu được từ hành vi xâm phạm và các căn cứ luật định khác.

Thứ tư, tăng cường năng lực chuyên môn và hỗ trợ thực thi quyền.

Hiệu quả bảo hộ thiết kế bố trí phụ thuộc đáng kể vào năng lực đánh giá kỹ thuật và giải quyết tranh chấp. Do đó, cần phát triển đội ngũ chuyên gia về thiết kế vi mạch, công nghệ bán dẫn và sở hữu trí tuệ để hỗ trợ giám định, đánh giá chứng cứ và xác định thiệt hại. Việc huy động chuyên gia phải bảo đảm tính độc lập, khách quan, kiểm soát xung đột lợi ích và bảo mật thông tin kỹ thuật.

Đồng thời, cần tăng cường phối hợp giữa cơ quan quản lý sở hữu trí tuệ, cơ quan thực thi quyền, cơ quan xét xử và các tổ chức chuyên môn; xây dựng tài liệu hướng dẫn nghiệp vụ về nhận diện hành vi xâm phạm và đánh giá chứng cứ. Đối với doanh nghiệp và cơ sở nghiên cứu, cần hỗ trợ nhận diện tài sản trí tuệ, chuẩn bị hồ sơ đăng ký, quản lý chứng cứ về quá trình sáng tạo và xây dựng hợp đồng chuyển giao công nghệ. Trước mắt, nên ưu tiên khai thác các thiết chế hiện có, tránh phát sinh đầu mối tổ chức khi chưa có nhu cầu thực tiễn rõ ràng.

Thứ năm, xác định lộ trình hoàn thiện pháp luật phù hợp với trình độ phát triển của thị trường bán dẫn Việt Nam.

Việc hoàn thiện cơ chế bảo hộ cần được thực hiện theo lộ trình, ưu tiên những vấn đề cấp thiết phát sinh trong hoạt động thiết kế, nghiên cứu, đặt hàng và chuyển giao công nghệ, đồng thời tính đến năng lực thực thi trong nước. Kinh nghiệm Đài Loan cần được vận dụng có chọn lọc, phù hợp với quy mô thị trường, cơ cấu doanh nghiệp và trình độ chuyên môn hóa của ngành bán dẫn Việt Nam.

Quá trình này cần gắn với Chiến lược phát triển công nghiệp bán dẫn Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050, đồng thời phối hợp với chính sách phát triển nhân lực, nghiên cứu khoa học, hạ tầng công nghệ và liên kết giữa doanh nghiệp với cơ sở đào tạo, nghiên cứu. Qua đó, pháp luật sở hữu trí tuệ không chỉ bảo vệ thành quả sáng tạo mà còn hỗ trợ khai thác tài sản trí tuệ và thúc đẩy năng lực đổi mới công nghệ trong nước.

3. Kết luận

Bảo hộ thiết kế bố trí mạch tích hợp bán dẫn có ý nghĩa quan trọng trong việc bảo vệ thành quả sáng tạo, khuyến khích đầu tư cho nghiên cứu và phát triển, đồng thời tạo cơ sở pháp lý cho hoạt động chuyển giao và khai thác thương mại công nghệ. Trong bối cảnh Việt Nam đang thúc đẩy phát triển ngành công nghiệp bán dẫn, hoàn thiện cơ chế bảo hộ đối tượng sở hữu trí tuệ này là yêu cầu cần thiết, không chỉ nhằm đáp ứng các chuẩn mực quốc tế mà còn phục vụ nhu cầu thực tiễn của doanh nghiệp và cơ sở nghiên cứu trong nước.

Qua nghiên cứu pháp luật Đài Loan và đối sánh với pháp luật Việt Nam, bài viết cho thấy Việt Nam đã thiết lập khung pháp lý cơ bản về điều kiện bảo hộ, xác lập quyền, quyền của chủ sở hữu và cơ chế xử lý hành vi xâm phạm. Kinh nghiệm của Đài Loan gợi mở cách tiếp cận theo hướng quy định chuyên biệt, cân bằng giữa bảo vệ chủ sở hữu với duy trì không gian nghiên cứu, phân tích và sáng tạo thiết kế mới, đồng thời chú trọng năng lực đánh giá kỹ thuật và thực thi quyền. Trên cơ sở đó, Việt Nam cần ưu tiên rà soát, hoàn thiện các quy định hiện hành của Luật Sở hữu trí tuệ và văn bản hướng dẫn; nâng cao năng lực chuyên môn trong xử lý tranh chấp; tăng cường hỗ trợ doanh nghiệp, cơ sở nghiên cứu xác lập và khai thác quyền; đồng thời xây dựng lộ trình hoàn thiện pháp luật phù hợp với trình độ phát triển của thị trường bán dẫn trong nước. Việc tiếp thu kinh nghiệm nước ngoài cần có chọn lọc, gắn với điều kiện kinh tế, công nghệ và năng lực thực thi của Việt Nam. Một cơ chế bảo hộ rõ ràng, khả thi và thích ứng với sự phát triển của công nghệ sẽ góp phần củng cố niềm tin pháp lý, thúc đẩy hoạt động sáng tạo và hỗ trợ Việt Nam từng bước tham gia sâu hơn vào chuỗi giá trị bán dẫn toàn cầu.

Tài liệu tham khảo

Ban Chấp hành Trung ương (2024). *Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia*.

Bộ Khoa học và Công nghệ (2026). *Thông tư số 10/2026/TT-BKHCN ngày 31/3/2026 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Sở hữu trí tuệ, Nghị định số 65/2023/NĐ-CP ngày 23/8/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Sở hữu trí tuệ về*

sở hữu công nghiệp, bảo vệ quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng và quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 15/2026/NĐ-CP ngày 14/01/2026, Nghị định số 33/2026/NĐ-CP ngày 21/01/2026 và Nghị định số 100/2026/NĐ-CP ngày 31/3/2026.

International Trade Administration (2025). *Taiwan – Semiconductors including chip design for AI*. https://www.trade.gov/country-commercial-guides/taiwan-semiconductors-including-chip-design-ai, ngày 22/8/202).

Lê Đăng Minh (2025). *Sự phát triển thần kỳ của ngành công nghiệp bán dẫn Đài Loan (Trung Quốc): Bài học và hàm ý chính sách cho Việt Nam*. https://dangcongsan.org.vn/bocongthuong/tin-tuc-hoat-dong/su-phat-trien-than-ky-cua-nganh-cong-nghiep-ban-dan-dai-loan-trung-quoc-bai-hoc-va-ham-y-chinh-sach-cho-viet-nam.html, ngày 20/9/2026.

Phạm Vũ Thiều Quang (2024). Đài Loan (Trung Quốc) và câu chuyện thần kỳ TSMC. *VietNamNet*. https://vietnamnet.vn/dai-loan-va-cau-chuyen-than-ky-tsmc-2280013.html, ngày 28/9/2026.

Văn phòng Quốc hội (2026). *Luật Sở hữu trí tuệ* . Số 160/2026/VBHN-LQ-VPQH ngày 29/9/2026.

Quốc hội (2025). *Luật Công nghiệp công nghệ số*. Luật số 71/2025/QH15 ngày 14/6/2025.

Taiwan (1995). *Integrated Circuit Layout Protection Act* (amended 2002). https://www.apeccp.org.tw/htdocs/doc/Taipei/Comlaw/IC.html, truy cập ngày 10/8/2026.

Thủ tướng Chính phủ (2024). *Quyết định số 1018/QĐ-TTg ngày 21/9/2024 ban hành Chiến lược phát triển công nghiệp bán dẫn Việt Nam đến năm 2030 và tầm nhìn 2050*.

Thủ tướng Chính phủ (2025). *Quyết định số 1131/QĐ-TTg ngày 12/6/2025 ban hành Danh mục công nghệ chiến lược và sản phẩm công nghệ chiến lược*.

Tommy Tsai (2025). Trends and comparisons between Taiwan's invention patent applications and WIPO PCT filings in 2024. *Giant Group Law Firm*. https://www.giant-group.com.tw/en/news-detail-1439.html, ngày 20/9/2026.

PHÁP LUẬT VỀ PHÁ SẢN QUỸ TÍN DỤNG NHÂN DÂN Ở VIỆT NAM...

Tiếp theo trang 239

3. Kết luận

Quỹ tín dụng nhân dân là loại hình tổ chức tín dụng có vai trò quan trọng trong cung ứng vốn cho thành viên và cộng đồng, đặc biệt tại khu vực nông nghiệp, nông thôn. Do đặc thù về mô hình tổ chức, hoạt động nhận tiền gửi và đối tượng phục vụ, việc xử lý quỹ tín dụng nhân dân mất khả năng thanh toán không chỉ liên quan đến quyền lợi của thành viên, người gửi tiền và các chủ nợ mà còn tác động đến an toàn hệ thống tín dụng. Pháp luật hiện hành đã hình thành cơ chế xử lý quỹ tín dụng nhân dân yếu kém thông qua kiểm soát đặc biệt, tổ chức lại, thanh lý và phá sản. Tuy nhiên, một số quy định vẫn chưa thật sự rõ ràng, nhất là về tiêu chí xác định quỹ tín dụng nhân dân không còn khả năng phục hồi, thời điểm chuyển sang thủ tục phá sản, mối quan hệ giữa thanh lý và phá sản, xử lý tài sản và bảo vệ người gửi tiền. Vì vậy, pháp luật cần được chỉnh sửa, bổ sung theo hướng xác định rõ căn cứ, thời hạn chuyển sang phá sản, tăng cường bảo toàn và xử lý tài sản, bảo vệ quyền lợi người gửi tiền, cũng cần có những quy định cụ thể trách nhiệm phối hợp giữa Ngân hàng Nhà nước, Tòa án, tổ chức bảo hiểm tiền gửi và các chủ thể liên quan. Qua đó, bảo đảm thủ tục phá sản quỹ tín dụng nhân dân được thực hiện kịp thời, minh bạch, hiệu quả và an toàn.

Tài liệu tham khảo

Đỗ Mạnh Phương (2020). Hoàn thiện quy định pháp luật về tổ chức, quản trị, điều hành quỹ tín dụng nhân dân. *Tạp chí Nhà nước và Pháp luật, 12,* 71–76.

Hoàng Văn Thành, & Nguyễn Ngọc Mai (2025). Hoàn thiện khung pháp lý nhằm nâng cao hiệu quả quản trị quỹ tín dụng nhân dân tại Việt Nam. *Tạp chí Kinh tế - Luật và Ngân hàng, 281*.

Lê Hà Diễm Chi, & Trịnh Thị Thu Dung (2022). Những khuyến nghị nhằm phát triển bền vững hệ thống quỹ tín dụng nhân dân Việt Nam. *Tạp chí Ngân hàng, 1*.

Lê Ngọc Thắng (2025). Phá sản tổ chức tín dụng ở Việt Nam: Thực trạng pháp luật và một số khuyến nghị. *Tạp chí Luật sư Việt Nam, 6*, 19–24.

Lê Thị Thảo (2023). Hoàn thiện pháp luật về quản lí nhà nước đối với hoạt động đầu tư vốn của ngân hàng thương mại. *Tạp chí Khoa học Đại học Huế: Khoa học Xã hội và Nhân văn, 132*(6A). https://doi.org/10.26459/hueunijssh.v132i6A.6970

Mai Hoàng Đức Duy (2021). An toàn thanh khoản trong lĩnh vực ngân hàng thương mại – nhìn từ góc độ pháp lý. *Tạp chí Công thương, 18*, 312–318.

Nguyễn Văn Rõ (2023). Tìm hiểu về Luật Phá sản ngân hàng và Luật Bảo hiểm tiền gửi cho khách hàng trong trường hợp ngân hàng bị phá sản. *Tạp chí Công thương, 10*.

Vũ Văn Long (2017). Vai trò của tổ chức bảo hiểm tiền gửi trong tái cơ cấu tổ chức tín dụng yếu kém. *Tạp chí Thị trường Tài chính Tiền tệ, 14*, 27–30.